

Số 46 /2015/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Hạn hành Quy định về tổ, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 25/1/2005;

Căn cứ Luật hạn hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 05/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư Ban hành số 10/2014/TTLT-BanNN-ĐSTP ngày 23/12/2014 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Thực chỉ nghị của Thường, Ban Dân tộc tại Tờ trình số 23/TTr-BNTT ngày 18/2/2015, báo cáo thẩm định số 748/SN-ĐCĐB ngày 11/4/2015 của Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo thẩm định số 708/MC-STP của Giám đốc Sở Tư pháp ngày 08/2/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hạn hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình.

(Kèm theo quy định kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hạn hành Quy định về tổ, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh. Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh của tỉnh, bổ sung khoản 2, khoản 3 mục II, phần II Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Bình 3. Chính Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trường Ban Dân vận tỉnh, Giám đốc văn Sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh thành thị hành Quyết định này.

1000

- [illegible]



Abstract

QUY ĐỊNH

Về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức Ban Dân tộc tỉnh Hà Nội

*(Ban hành theo thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nội)*

1. Mục đích, chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Bộ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có văn phòng và tổ chức theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

II. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chức năng, nhiệm vụ và hình thức Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

b) Dự thảo văn bản quy định về thể chế kinh tế, chính trị, pháp luật và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc.

c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban, Trưởng, Phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chức năng, nhiệm vụ và hình thức Ban Dân tộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Dân tộc Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc.

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của pháp luật.

c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt, thông qua, quyết định, giải quyết, giám sát pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số; chỉ

trí, phối hợp vào đồng đồng báo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện tại trường, đường phố, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình tại điểm dân cư phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt, hỗ trợ ổn định cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số biên giới, vùng biên giới, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề nổi bật, giải quyết, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc thiểu số liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

6. Tổ chức tiếp xúc, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chủ trương chính sách và quy định của pháp luật định kỳ theo mùa và nhân dịp hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh, huyện chọn cử nghị cấp và thăm quyền làm thường của tập thể và cá nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số và thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giải quyết, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và công tác dân tộc đối với Phường Dân tộc cấp huyện và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ chuyên gia.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tiếp nhận khiếu nại của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tôn giáo, phong tục, tập quán của dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc theo thủ tục và chuyên cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các tổ, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án, dự án của tổ, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng và liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bổ nhiệm, chuyển, miễn chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện và công nhân là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, báo cáo cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn này định kỳ và tổ chức thực hiện kế hoạch về việc tuyển dụng viên chức dân tộc thiểu số từ các nguồn vào trường đại học, cao đẳng vào làm công nhân tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; hỗ trợ, tuyển dụng học sinh, sinh viên dân tộc, nhất là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban, phối hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chế độ ưu đãi và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác tổng tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

III. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Ban Dân tộc tỉnh có Trưởng ban và không quá 05 Phó Trưởng ban.

- Trưởng ban là người đứng đầu Ban Dân tộc, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh;

- Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban.

- Văn phòng Ban, bộ phận nội, ngoại văn phòng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị thuộc Ban:

a) Văn phòng.

b) Thanh tra.

c) Phòng Chính sách Dân tộc.

d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

e) Phòng Tuyên truyền và Địa bản.

3. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ vùng dân tộc

Thường ban Dân tộc trực tiếp quản lý đối tượng công nhận và, quản lý ban dân phòng chuyển đổi theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc.

4. Biên chế của Ban Dân tộc tỉnh trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang